

Phê phán của Chủ nghĩa cộng đồng đối với lý thuyết công lý của J. Rawls

Nguyễn Hùng Vương*, Hà Phước Cảnh**

Nhận ngày 17 tháng 7 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 9 năm 2024.

Tóm tắt: Sự phát triển mạnh mẽ của Chủ nghĩa cộng đồng ở phương Tây dựa trên nền tảng phê phán toàn diện Chủ nghĩa tự do, tân tự do và cá nhân của J. Rawls. Những người theo Chủ nghĩa cộng đồng như M. Sandel, C. Taylor, M. Walzer... đưa ra lời chỉ trích nghiêm khắc lý thuyết công lý của J. Rawls từ nguồn gốc đến định hướng giá trị và mục đích cuối cùng của nó. Nếu như J. Rawls thiết lập mọi giá trị xuất phát từ cá nhân đến cộng đồng; quyền phải được ưu tiên hơn điều tốt; và quyền cá nhân là yếu tố tiên quyết định hướng giá trị đi đến công lý thì Chủ nghĩa cộng đồng xây dựng theo hướng hoàn toàn ngược lại. Trong mục đích cuối cùng, Rawls theo đuổi công lý như là đạo đức tốt đẹp của chế độ xã hội thì những người theo Chủ nghĩa cộng đồng cho rằng công lý chỉ là một trong nhiều đức tính tốt đẹp của cá nhân, đồng thời nhấn mạnh đến phúc lợi công cộng và coi đó như là sự quan tâm tối cao của Chủ nghĩa cộng đồng.

Từ khoá: Chủ nghĩa cộng đồng, công lý và quyền, điều tốt cộng đồng, J. Rawls.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The strong development of communitarianism in the West was based on a comprehensive critique of liberalism, neo-liberalism and individualism by J. Rawls. Communitarians such as M. Sandel, C. Taylor, M. Walzer... criticise severely J. Rawls's theory of justice from its origins to its value orientation and ultimate purpose. If J. Rawls establishes all values originating from the individual to the community; rights must take precedence over good; and individual rights are the prerequisites that determine the ways of values towards justice; communitarianism is built in the opposite direction. In the last goal, Rawls pursues justice as the moral virtue of the social system; whereas communitarians believe that justice is just one of many personal virtues and emphasize public welfare as the supreme concern of communitarianism.

Keywords: Communitarianism, justice and rights, communal good, J. Rawls.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng công lý của loài người, kể từ khi Aristotle đề xuất sự phân chia giữa công lý phân phối và công lý sửa sai, cho đến nay đã có vô số quan điểm về công lý xuất hiện, nhưng không có nhà tư tưởng nào thảo luận vấn đề công lý đạt được nhiều thành công như Rawls. Năm 1971, Rawls đã xuất bản cuốn sách “A Theory of Justice” (Một luận thuyết về công lý), khơi dậy và phát triển mạnh mẽ trào lưu tư tưởng tân tự do ở Phương Tây (Arblaster, A. 1986: 6). Là một lý thuyết công lý dựa trên lý thuyết kế ước xã hội như một lời chỉ trích mang tính xây dựng đối với tư duy thực dụng của Bentham và những người khác, cuốn sách đã nhanh chóng trở thành chủ đề thảo luận hàng đầu trong nhiều lĩnh vực như luật học, đạo đức học, triết học và chính trị học. Trong số rất nhiều bài phê bình vấn đề công lý của J. Rawls thì những chỉ trích của chủ nghĩa cộng đồng đã thu hút được sự chú ý nhiều nhất, bởi phương pháp

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

Email: Philosophy.hv.ud@gmail.com

** Human Rights Law, Melbourne Law School - The University of Melbourne.

và quan điểm độc đáo của họ. Một số học giả thậm chí còn cho rằng nếu xu hướng tư tưởng chủ đạo ở phương Tây trong những năm 1970 là chủ nghĩa tự do, thì xu hướng tư tưởng chủ đạo trong những năm 1980 là chủ nghĩa cộng đồng. Đến những năm 1990, giới học thuật ở phương Tây đã góp phần tạo lập tương đối rõ nét hơn giữa hai trường phái đối lập: chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa cộng đồng (Kymlicka, W and Norman, W. 1994: 352-381). Do đó, việc nghiên cứu lý thuyết và phương pháp phê phán của chủ nghĩa cộng đồng đối với lý thuyết công lý của Rawls có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng.

2. Vài nét về Chủ nghĩa cộng đồng phương Tây đương đại

Ngày nay, Chủ nghĩa cộng đồng đã thu hút nhiều hơn sự quan tâm của giới học thuật và công chúng như một trào lưu phê phán các xã hội tự do, đưa ra các câu trả lời về phương diện lý thuyết cho những vấn đề triết học chính trị quan trọng nhất. Chủ nghĩa cộng đồng bắt đầu từ những hiểu biết của giới học thuật Anh - Mỹ (Anglo American) như một phản ứng gay gắt đối với cuốn sách mang tính bước ngoặt vào năm 1971 của John Rawls: “Một luận thuyết của công lý” (Rawls, J., 1971). Vào những năm 1980, một nhóm các nhà lý luận chính trị như Charles Taylor, Michael Sansel và Michael Walzer đã thách thức những gì họ cho là chủ nghĩa tự do cực đoan và cho rằng tính cách cá nhân dựa trên bối cảnh xã hội và phụ thuộc vào bối cảnh xã hội. Mặc dù nguồn gốc thuật ngữ “Communitarianism” bắt nguồn từ năm 1840, được đặt ra bởi Goodwyn Barmby trong việc dùng để chỉ về một cá nhân là thành viên hoặc một người ủng hộ chủ nghĩa công xã (communalist). Tuy nhiên, triết học của chủ nghĩa cộng đồng là sự kế thừa và tiếp nối các nhà tư tưởng trước đó. Do đó, nguồn gốc tư duy của Chủ nghĩa cộng đồng rất khác nhau.

Nền tảng tư tưởng của Chủ nghĩa cộng đồng được bắt nguồn từ trong triết học Hy Lạp cổ đại, kinh Cựu ước và Tân ước. Aristotle được coi là vị thần trí tuệ của họ, đặc biệt là những ý tưởng của ông về cộng đồng, về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, và quan niệm của ông về cái thiện đối lập với quyền. Phillip trong “Communitarianism, the Vatican and the New Global Order” (Phillips, R., 1991) đã truy nguyên về lịch sử của Chủ nghĩa cộng đồng thông qua các tác phẩm của Aristotle, đạo Kitô và Do Thái giáo. Ngoài ra cũng có những ảnh hưởng khác đối với tư tưởng chủ nghĩa cộng đồng như Hegle và các nhà duy tâm Anh, đặc biệt là Thomas Hill Green, khái niệm của Hegles về “đời sống đạo đức” hay “trật tự đạo đức” (sittlichkeit), hoặc các giá trị được chia sẻ bởi cộng đồng, vấn đề nghĩa vụ và quyền công dân trong Chủ nghĩa duy tâm Anh (Harris, P and Morrow, J., 1986).

Những người theo Chủ nghĩa cộng đồng đặc biệt coi trọng “giá trị cốt lõi của Mỹ” được ghi trong Tuyên ngôn độc lập, Hiến pháp và trong Tuyên ngôn về nhân quyền. Họ tin rằng, những người sáng lập ra nước Mỹ có thể xây dựng một xã hội tốt đẹp dựa trên các giá trị cốt lõi của người dân Mỹ, được xác lập trong Tuyên ngôn độc lập, Hiến pháp và trong Dự luật nhân quyền. Tư duy cộng đồng được thực hiện đầu tiên trong các tác phẩm của bốn nhà tư tưởng: Iasdair Macintyre (1981), Michael Sandel (1982), Charles Taylor (1979,1989), và ở một mức độ nào đó là Michael Walzer (1983). Tuy nhiên, những người chỉ trích chủ nghĩa tự do này không bao giờ nhận mình là những người theo Chủ nghĩa cộng đồng, mà thực sự là do người khác gọi hoặc gán nhãn cho họ, thường là những người chỉ trích áp đặt cho họ (chủ yếu những người theo Chủ nghĩa tự do). Trên thực tế, một số người trong số họ tỏ thái độ thờ ơ với việc được dán nhãn như vậy, cũng như một số kết luận của những người khác về vị trí của họ. Tư tưởng của họ là rất khác nhau. Tuy nhiên, một điều đặc biệt trong phần lớn nghiên cứu của họ là đều chống lại chủ nghĩa tự do cá nhân.

Một số người cho rằng, Chủ nghĩa cộng đồng là “con đường thứ ba”, một hệ thống niềm tin cố gắng kết hợp các hệ thống giá trị không tương thích như Chủ nghĩa cộng sản, Chủ nghĩa tư bản, Chủ nghĩa xã hội và Cơ đốc giáo cấu thành một hệ thống giá trị của thế giới. “Con đường thứ ba” này đặt tâm quan trọng của xã hội toàn cầu lên trên các quyền bất khả xâm phạm của cá nhân và công dân của bất kỳ quốc gia nào. Do đó, Chủ nghĩa cộng đồng trở thành triết lý đằng sau một hệ thống toàn cầu hoá theo đường lối xã hội chủ nghĩa mới.

3. Phê phán của Chủ nghĩa cộng đồng đối với lý thuyết công lý của J. Rawls

3.1. Phê phán về nguồn gốc công lý

J. Rawls bắt đầu nghiên cứu về công lý cá nhân như là một điểm khởi đầu hợp lý. Thiết kế của ông về các nguyên tắc công lý và con đường thực hiện công lý thông qua việc đặt cá nhân vào trạng thái ban đầu (original position). Ý tưởng cơ bản của thiết kế này là sự hợp tác giữa các cá nhân theo nguyên tắc cụ thể của công lý. Ở trạng thái ban đầu, cá nhân đứng sau một bức màn vô minh (the veil of Ignorance), tức là, đối với cá nhân “cần thiết phải vô thức”, nhưng vô thức này cũng có giới hạn. Về bản chất, trạng thái khởi nguyên của J. Rawls hoạt động như sau: Trước khi chúng ta biết rằng mình sẽ trở thành những người đặc biệt, thậm chí trước khi chúng ta biết sở thích hoặc mục tiêu của bản thân hoặc khái niệm về lòng tốt, điều đó khiến chúng ta hình dung ra những nguyên tắc mà chúng ta sẽ lựa chọn để điều hành xã hội. Những nguyên tắc này chính là nguyên tắc của công lý. Họ đặt mình trước bức màn vô minh mà suy nghĩ ra cách mà họ sẽ hành động. Bức tranh này đã vẽ nên một cái tôi hỗn độn và thiếu hiểu biết, một cái tôi có trước và không phụ thuộc vào mục đích. Một cá nhân luôn vì bản thân mình và giữa các cá nhân luôn có những mức độ hợp tác nhất định, điều đó là cơ sở để hình thành các nhóm được cấu thành bởi các cá nhân đơn lẻ. Ở trạng thái ban đầu, mục đích của tất cả các bên là tạo điều kiện công bằng và thuận lợi cho mọi người, hình thành sự thống nhất chung. Mối quan tâm của họ đối với tự do và công bằng là việc họ coi mình như một người có đạo đức và có quyền bình đẳng trong việc lựa chọn một lối sống tốt cho riêng họ. Mục đích cá nhân không được hình thành ngay lập tức mà từ từ, nhưng anh ta có thể bày tỏ và tuân theo một kế hoạch cuộc sống theo nhiều cách khác nhau và được công lý cho phép, để từ đó hình thành sự thống nhất của bản thân. Nói một cách triết để hơn, “loại thống nhất này là chung cho tất cả mọi người” (Rawls, J., 1971: 512). Ở đây, khái niệm tập thể của J. Rawls là sự lựa chọn và các cá nhân có thể quyết định cuộc sống của mình dựa trên bản thân tiên nghiệm. Chúng ta có thể hiểu được logic lập luận của J. Rawls bằng cách xem xét và sắp xếp nó lại như sau: (1) Cá nhân có lý trí, nhưng trong trạng thái ban đầu, đằng sau bức màn vô minh luôn có nhiều tranh chấp và những rắc rối không cần thiết cho mục đích cá nhân sẽ được loại bỏ; (2) Cá nhân có những đặc trưng điển hình như “xung đột” về lợi ích, nhưng nếu chỉ có xung đột lợi ích thì sự cạnh tranh giữa các cá nhân sẽ diễn ra vô tận, vì vậy; (3) các cá nhân có sự nhất quán về lợi ích, và xã hội cần có sự hợp tác cần thiết vào lúc này để xác định sự phân phối thích hợp giữa lợi ích và những gánh nặng của hợp tác xã hội. Tại thời điểm này; (4) giữa các cá nhân có những mục tiêu khác nhau, một khái niệm chung về công lý sẽ thiết lập mối quan hệ hữu nghị mang tính dân sự, mong muốn công lý phổ quát sẽ giới hạn được việc theo đuổi các mục tiêu khác (Rawls, J. 1971: 9-11). Vì vậy, cần thiết phải liên hiệp các cá nhân lại (cộng đồng) và phân phối lợi ích cá nhân dựa trên nguyên tắc công bằng. Nhưng bản thân quan niệm công lý đối với chúng ta vẫn còn nhiều tranh cãi, và mọi người nên sử dụng nguyên tắc công lý nào để xác định ý kiến của họ về các điều khoản cơ bản của liên minh là khác nhau; (5) cần thiết và hoàn toàn có thể thiết lập một nguyên tắc công bằng trong một cộng đồng.

Bằng cách này, J. Rawls đã phát triển quan điểm điển hình về tự do cá nhân - cộng đồng, sau đó ông xây dựng quan điểm về công lý dựa trên cá nhân như một điểm khởi nguyên hợp lý. Nhưng liệu cá nhân có thực sự là nguồn gốc cơ bản cho mọi nền chính trị? Công lý cá nhân có nhất thiết phải “công bằng” không? Những người theo chủ nghĩa cộng đồng đã đưa ra câu trả lời cho vấn đề này.

Chủ nghĩa cộng đồng tin rằng thế giới rất rộng lớn, con người không hề cô độc và lẻ loi, các cộng đồng khác nhau chính là khái niệm, phạm tù cốt lõi mà các cá nhân sẽ phải trải qua trong cuộc đời của họ. Bằng cách này, cộng đồng chứ không phải cá nhân trở thành mô hình cốt lõi để phân tích và diễn giải về cuộc sống con người. Chủ nghĩa cộng đồng coi gia đình, làng xóm, quốc gia, dân tộc, nhóm và các cộng đồng khác là động lực cơ bản nhất cho sự phát triển của lịch sử xã hội loài người và sự tiến bộ của các hệ thống chính trị và kinh tế. Trong cộng đồng, cá nhân không thể lựa chọn một cách tự thân mà chỉ có thể khám phá tự thân, chính cộng đồng mới quyết định “tôi là ai”, chứ không phải tôi đã lựa chọn việc “tôi là ai”, “bản sắc và danh tính của chúng ta đến từ cộng đồng, điều này quyết định đến nghĩa vụ của chúng ta” (Taylor, C. 1989: 145). Các cộng đồng khác nhau có mối quan hệ tương hỗ, phụ thuộc với nhau, không có những cộng đồng này thì con người không thể tồn tại và tự do cá nhân không thể được duy trì. Nếu trong cộng đồng, các cá nhân rời bỏ tư cách thành viên và không có những đóng góp tài năng, của cải và lợi ích cho mục đích chung thì không một cộng đồng nào có thể trường tồn được. Bất kỳ việc theo đuổi lợi ích cá nhân nào cũng chắc chắn làm tổn hại đến môi trường xã hội mà mọi người đều phụ thuộc vào đó và phá hủy cuộc thực nghiệm chung về dân chủ và tự trị.

Những người theo Chủ nghĩa cộng đồng cho rằng, J. Rawls đã đặt tính cá nhân và quyền cá nhân ở vị trí ưu tiên, việc bỏ qua tính cộng đồng của con người chính là một sự sai lầm của J. Rawls. Ngoài ra, quan điểm của J. Rawls còn mang tính cực đoan khi phản đối gay gắt chủ nghĩa cộng lợi và phủ nhận tính cộng đồng của con người. Có thể thấy từ bài nói chuyện của J. Rawls về “trạng thái ban đầu” và “bức màn vô minh” trong cuốn sách “A Theory of Justice” rằng, điểm xuất phát của lý thuyết công lý là những cá nhân nguyên tử, và việc theo đuổi, cân nhắc duy nhất của họ là quyền lợi của chính họ. Đặt quyền lợi hoặc lẽ phải (right) ở vị trí ưu tiên hơn so với đức hạnh hoặc điều tốt (good), điều này là một giả định siêu hình về bản thân. Tức là trong con mắt của J. Rawls, con người tồn tại độc lập, là các cá nhân nguyên tử không phụ thuộc vào môi trường, cũng không có các đặc trưng thực nghiệm. Họ hầu như không mang bất kỳ thuộc tính nào, không liên quan gì đến mục đích, sự ham muốn... họ chỉ hết lòng bảo vệ quyền lợi chính đáng của riêng mình, chỉ coi “cái gì là của tôi” theo quan điểm cá nhân và không quan tâm đến “tôi là gì”. Do đó, Sandel chỉ ra rằng, về tổng thể, mối quan hệ cá nhân - cộng đồng của J. Rawls cơ bản đã bị đảo ngược. Từ quan điểm lý thuyết lựa chọn của J. Rawls về các nguyên tắc công lý, trên thực tế sự lựa chọn của cá nhân là tương đối tự do, điều này thực sự cho thấy rằng cá nhân có ý nghĩa quyết định đối với cộng đồng, do đó cá nhân có quyền ưu tiên hơn cộng đồng. Tuy nhiên, cái tôi không thể có trước giá trị và mục đích, và sự hình thành các giá trị cá nhân không phải tự phát, bẩm sinh mà phải chịu ảnh hưởng, bị hạn chế bởi những điều kiện xã hội nhất định. Trong những điều kiện xã hội nhất định, cá nhân không thể lựa chọn hoặc thay đổi các giá trị. Cuối cùng, cá nhân không thể lựa chọn khái niệm công lý theo ý mình. Vì vậy, Sandel nói rằng, “cũng giống như cá nhân nguyên tử bị giới hạn trong mục đích không thể tách rời và thuộc về nó, công lý cũng bị giới hạn trong mục đích và quyền thuộc về cộng đồng, chính cộng đồng đã xác định danh tính và lợi ích của các thành viên” (Sandel, M. 1982: 181).

Đối với những người theo chủ nghĩa cộng đồng, các cá nhân tự do chỉ có thể hình dung ra bản thân và nhận dạng danh tính của mình thông qua mối quan hệ giữa họ với nền văn minh phát triển tự do, bản sắc cá nhân chỉ được nhận diện khi chúng ta trao cho các cá nhân trách nhiệm tự do cải tạo xã hội theo một cách khác với chủ nghĩa nguyên tử. Cá nhân là chủ thể có thể tự chủ, nhưng sự phát triển của cá nhân phải đặt mình vào trong cộng đồng, sự phát triển của cá nhân mà không có cộng đồng thì không những không thể thực hiện được, ngược lại còn trở nên vô nghĩa. Vì vậy, Taylor nói, “đặc điểm của riêng tôi về cơ bản phụ thuộc vào cuộc đối thoại của tôi với người khác” (Taylor, C. 1991: 47-48). Loại quan hệ đối thoại này không phải là sử dụng diễn ngôn tự do mà là quan hệ hợp tác phụ thuộc vào cộng đồng. Do đó, quyết định một cá nhân nên sống như thế nào là việc anh ta nhận thức được lịch sử hoặc các trải nghiệm khác nhau mà họ được “nhúng vào”, và giải thích những tính tốt khác nhau thể hiện trong chúng (Kymlicka, W. 1998: 55). Chỉ trong cộng đồng mới có thể hiểu được anh ấy, cộng đồng quy định logic tự sự, bối cảnh và tình huống của việc “kể chuyện”. Nói một cách tổng quát, một cá nhân có thể đồng thời là thành viên của một gia đình, thành viên của một ngôi làng, hoặc thành viên của một bộ lạc. Nhưng dưới góc độ phát triển của lịch sử xã hội, việc tập hợp những vai trò này của các cá nhân không phải ngẫu nhiên theo cách cầu thả, cũng không phải lột bỏ chúng để khám phá ra cái tôi “hồn độn và mê muội” như J. Rawls đã nói. Nó là một phần của các thực thể riêng lẻ, chúng ít nhất là một phần, thậm chí hoàn toàn được xác định là trách nhiệm và nghĩa vụ của cá nhân trong cộng đồng. Mỗi cá nhân vốn có một địa vị riêng trong mối quan hệ xã hội đan xen, nếu không có địa vị đó thì người đó chẳng là gì cả, là một kẻ xa lạ, kẻ bị đày ải.

3.2. Phê phán về giá trị công lý

Là một trong những phạm trù cốt lõi của triết học chính trị hiện đại, quyền là điểm xuất phát của mọi trào lưu và trường phái triết học chính trị, như Locke, Rousseau, Montesquieu, Kant, Mill và nhiều đại diện khác. J. Rawls tôn trọng ý tưởng truyền thống về quyền và giải thích một cách có hệ thống tư tưởng công lý rằng “quyền ưu tiên hơn điều tốt”. Ông đã xây dựng lý thuyết “công lý là sự công bằng” và kỳ vọng đạt được mục tiêu cơ bản là thực hiện bình đẳng về quyền bằng cách xây dựng một lý thuyết công lý, làm cho chủ nghĩa tân tự do thăng hoa đến mức trừu tượng hóa cao hơn. Trong cái gọi là “chủ nghĩa tự do chính trị”, khái niệm ưu tiên quyền là một yếu tố cơ bản, trong lý thuyết công bằng và công lý thì khái niệm này có vai trò cốt lõi như một hình thức của công bằng và công lý. “Quyền có trước điều tốt” trong quan điểm của J. Rawls được hiểu theo bốn nghĩa sau: (1) Quyền cá nhân không thể bị hy sinh vì lợi ích chung; (2) Các nguyên tắc công lý xác định các quyền này không thể dựa trên bất kỳ khái niệm cụ thể nào về một cuộc sống tốt đẹp (Sandel, M., 1982: 225). Theo nghĩa này, công lý với tư cách là “giá trị của các giá trị khác nhau”, và không tự coi mình cùng loại với nhiều giá trị mà nó tạo ra. Khi mâu thuẫn giữa các giá trị và sự cạnh tranh giữa các lý tưởng tốt đẹp không thể giải quyết được, thì công lý là tiêu chuẩn dung để hòa giải và tháo gỡ. Bản thân công lý có một ưu tiên nhất định so với các giá trị và điều tốt. Không một lý tưởng tốt đẹp nào có thể bác bỏ những đòi hỏi của công lý, bởi vì những đòi hỏi này khác nhau về chất, và hiệu quả của chúng được thiết lập theo một cách khác. Công lý nói chung độc lập với các giá trị xã hội và không phụ thuộc vào các tuyên bố gây tranh cãi khác nhau như một quá trình ra quyết định công bằng, công lý được đặt lên trên các giá trị và tuyên bố này (Sandel, M., 1982: 20-21). (3) Quyền ưu tiên có nghĩa (theo nghĩa chung của nó) rằng lý tưởng tốt đẹp được sử dụng phải là một lý tưởng chính trị, do đó chúng ta

không cần phải dựa vào lý tưởng tốt đẹp hoàn toàn. (4) Quyền ưu tiên của các quyền có nghĩa là nguyên tắc công lý đặt ra nhiều giới hạn khác nhau cho những lối sống được cho phép, tức là nó làm cho các mục đích và việc theo đuổi của công dân xâm phạm những giới hạn này trở nên vô giá trị. Quyền ưu tiên làm cho nguyên tắc công lý đảm bảo tính nghiêm ngặt trong việc cân nhắc quyền công dân, và hạn chế quyền tự do của họ để tạo nên một số lối sống nhất định. Nó miêu tả những đặc điểm độc đáo của cấu trúc và nội dung của công bằng và công lý, cùng những điểm cơ bản mà nó coi là lý do chính đáng để cân nhắc (Rawls, J., 1993: 221).

Có thể thấy, trong lý thuyết công bằng và công lý, quyền ưu tiên đồng nghĩa với việc các nguyên tắc công bằng chính trị áp đặt nhiều giới hạn khác nhau đối với các lối sống được phép khác nhau. Do đó, yêu cầu của công lý là mọi hành vi xâm phạm các giới hạn này đều vô giá trị. Nhưng hệ thống công lý và các phẩm chất chính trị không chỉ được phép mà còn hoàn toàn xứng đáng với lòng trung thành của công dân. Vì vậy, nếu công lý đặt ra giới hạn, lòng tốt thể hiện các ý nghĩa, thì công lý không thể đặt giới hạn quá hẹp như vậy (Rawls, J. 1993: 181). Nếu phải có một giới hạn, thì giới hạn này chỉ có thể được thể hiện thông qua mức độ ưu tiên của quyền. Do đó, trong sự hình thành tính phổ quát của nó, ưu tiên này có nghĩa là ý tưởng tốt đẹp được phép phải tôn trọng các giới của công lý chính trị và đóng một vai trò trong lý tưởng công lý chính trị.

Các nhà cộng đồng đã đặt ra câu hỏi nghi ngờ, rằng: các quyền có thực sự thiêng liêng như J. Rawls và những người theo chủ nghĩa tự do khác đã nói hay không? Quyền có thực sự cần phải ưu tiên hơn điều tốt hay không?

Những người theo chủ nghĩa cộng đồng tin rằng khi J. Rawls đưa ra lập luận quyền được ưu tiên hơn điều tốt, ông đã làm rõ điểm xuất phát hợp lý về mặt lý thuyết, đó là cá nhân được ưu tiên hơn cộng đồng. Đối với vấn đề này, J. Rawls đã bị các nhà cộng đồng chủ nghĩa cáo buộc rằng ông đã đảo ngược mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. J. Rawls ưu tiên cá nhân hơn cộng đồng và ủng hộ việc ưu tiên tuyệt đối quyền cá nhân, do đó bỏ qua bản chất lịch sử và xã hội của các quyền. Xuất phát từ quan điểm ưu tiên cá nhân hơn cộng đồng, J. Rawls đã không thể hiểu thực sự các hoạt động của cộng đồng. Vì vậy, việc xác lập mức độ ưu tiên của các quyền phải dựa trên mối quan hệ đúng đắn giữa cá nhân và cộng đồng, tức là đặt cộng đồng vào vị trí trước cá nhân để có được địa vị xã hội của các quyền cá nhân. Theo cách này, công lý không thể được ưu tiên hơn điều tốt, ngược lại điều tốt phải được ưu tiên hơn so với công lý. Nguyên tắc công lý được sử dụng để quy định về quyền lựa chọn bình đẳng, và nó thuộc phạm vi của quyền. Vì vậy, điều tốt nhất định phải được ưu tiên hơn so với công lý, tức là điều tốt phải được ưu tiên hơn quyền. Đây là một kết luận quan trọng được các nhà cộng đồng chủ nghĩa rút ra từ quan điểm: “cộng đồng được ưu tiên hơn cái tôi cá nhân”. Sandel và McIntyre là những nhà lý thuyết chính cho mệnh đề “điều tốt ưu tiên hơn quyền”.

Sau khi loại bỏ lý thuyết về quyền ưu tiên của J. Rawls, ý kiến của những người theo chủ nghĩa cộng đồng như Sandel và McIntyre đã đạt được sự đồng thuận nhất định trong ba khía cạnh sau đây. Thứ nhất, phản đối quyền tự nhiên, chủ trương quyền hiến pháp. Thứ hai, quyền tích cực tốt hơn quyền tiêu cực. Thứ ba, quyền cộng đồng ưu tiên hơn quyền cá nhân.

Mặc dù Chủ nghĩa cộng đồng cũng nhấn mạnh quyền, nhưng về cơ bản, đức hạnh là giá trị cốt lõi trong lý luận chủ nghĩa cộng đồng. Các học giả của chủ nghĩa cộng đồng tin rằng sự hoàn thiện của hệ thống về quyền không thể có bất kỳ ảnh hưởng nào đến hành vi cá nhân, cũng như không thể trở thành chuẩn mực hành vi của con người khi con người thiếu

nhiều đức tính cụ thể khác nhau, và điều kiện tiên quyết để áp dụng tốt hơn các quy luật đạo đức là phải có đức hạnh. Lý thuyết công lý của J. Rawls đã bóp méo nghiêm trọng ý nghĩa của đạo đức cả về lý thuyết và thực tiễn và việc lý thuyết về quyền ưu tiên dựa trên lý thuyết đạo đức đã bị bóp méo như vậy là hoàn toàn sai lầm. Do đó, đối với cá nhân, chúng ta không nên ưu tiên quyền mà nên ưu tiên đức hạnh. Đức hạnh là một loại tính cách cá nhân, tính cách này được hình thành trong lịch sử trong cộng đồng thông qua hoạt động cá nhân, dựa vào loại tính cách này thì con người có thể đạt được quyền và lợi ích cá nhân trong thực tế. Trong một xã hội tốt đẹp, một người nào đó có thể tuân theo các quy tắc của công lý, nhưng anh ta có thể là một người không công chính nên chỉ tuân theo những quy tắc này vì sợ bị trừng phạt. Đối với loại công lý được thiết kế để phục vụ tính hiệu quả cho điều tốt, thì một người hoàn toàn công chính khi và chỉ khi người đó tuân thủ các nguyên tắc của công lý. Nhưng trước khi có một bộ quy tắc mang tính bắt buộc, quy định các yêu cầu của mỗi người đối với nhau để theo đuổi lợi ích đặc biệt của riêng mình, thì lúc đó nội dung khái niệm công lý như vậy là không đầy đủ. Các nguyên tắc công lý chỉ đảm bảo được nội dung khi đức hạnh công lý không gì khác hơn là việc tuân theo các nguyên tắc công lý một cách có đạo đức. Do đó, các đức tính của công lý phụ thuộc vào các quy tắc của công lý và chỉ có thể được định nghĩa theo các quy tắc của công lý. “Công lý không chỉ là đạo đức, là một đức tính trong toàn bộ phạm trù đạo đức, hơn nữa, cho dù được thiết lập công bằng trong trật tự xã hội hay thiết lập công bằng như một đức tính của cá nhân, con người được yêu cầu thực hành các đức tính khác nhau, chứ không phải công lý” (MacIntyre, A., 1988: 56). Đức hạnh là phẩm chất con người, sở hữu và thực hành đức hạnh cho phép chúng ta đạt được những lợi ích nội tại, và nếu loại đức tính này không được trau dồi và thực hành thì chúng ta cũng không thể đạt được những lợi ích vốn thuộc về bản thân mình (MacIntyre, A. 1981: 241). Không có những đức tính này, chúng ta không thể duy trì việc thực hành sự chân thành, công lý và lòng dũng cảm cùng những điều tương tự, cả sự xuất sắc và đức hạnh thực sự, chúng ta phải sử dụng chúng để điều chỉnh bản thân và những người khác, bất kể địa vị đạo đức cá nhân nào của chúng ta hay đạo đức xã hội của chúng ta là gì. Bởi vì điều tất yếu là chúng ta phải xác định mối quan hệ của mình dựa trên những đức tính này, sự công nhận mà các xã hội khác nhau đã có và những tiêu chuẩn khác nhau về sự trung thực, công lý và lòng dũng cảm có thể hoàn toàn tương thích và cùng tồn tại (MacIntyre, A., 1981: 243-244).

3.3. Phê phán về mục tiêu cuối cùng của công lý

J. Rawls từng thẳng thắn chỉ ra rằng mục đích cuối cùng của việc ông viết cuốn “A Theory of Justice” là để “giải quyết những vấn đề cơ bản mà xã hội đang phải đối mặt, đặc biệt là ba vấn đề lớn về sự hài hòa, tính hiệu quả và sự ổn định xã hội” (Rawls, J. 1971: 43). Xuất phát từ ý tưởng cơ bản này, J. Rawls đã xây dựng lại lý thuyết công lý xã hội dựa trên cơ sở kế thừa lịch sử và phê phán chủ nghĩa vị lợi, từ đó đưa ra mệnh đề lý thuyết “công lý là công bằng”. Đối với J. Rawls, công lý là điều kiện tiên quyết, đích đến cuối cùng để thực hiện các quyền cá nhân. Do đó, J. Rawls đã tuyên bố: “Công lý là giá trị cơ bản của chế độ xã hội... Mọi người đều có quyền bất khả xâm phạm dựa trên công lý, và quyền bất khả xâm phạm này không thể bị vượt qua ngay cả khi nhân danh lợi ích của toàn xã hội. Do đó, công lý phủ nhận việc tước đoạt tự do của người khác vì lợi ích của một số người là bình thường, và không đồng ý rằng những lợi ích lớn hơn mà nhiều người được hưởng là quá đủ để áp đặt sự hy sinh cho một số ít người” (Rawls, J., 1971: 3-4).

Trong lý thuyết về công lý do J. Rawls xây dựng, các quyền cá nhân được xem là giá trị của việc bảo vệ công lý, và công lý là mục đích cuối cùng của các quyền cá nhân. Điều đó

có nghĩa là, đối với ông, sự lựa chọn tự do của các cá nhân và việc thực hiện lựa chọn tự do này trong một môi trường công bằng là những giá trị cơ bản của chủ nghĩa tự do, đó cũng chính là mục đích các quyền của nhóm mà cá nhân đó thuộc về. Một khi cá nhân có thể nhận thức được giá trị cá nhân một cách đầy đủ và tự do, thì giá trị của nhóm mà cá nhân đó thuộc về và lợi ích công cộng (công ích) sẽ tự động được hiện thực hóa ngay sau đó. Do đó, bây giờ chúng ta có thể thấy mối quan hệ giữa lý thuyết quyền cá nhân của J. Rawls và yêu cầu công lý được ưu tiên một cách rõ ràng hơn. Bởi vì giá trị và mục đích cá nhân luôn chỉ là những thuộc tính của bản thân, hơn là yếu tố cấu thành. Và cũng bởi vì cái tôi được ưu tiên hơn những mục đích mà nó xác nhận, một xã hội có trật tự được xác định bởi các nguyên tắc công lý cũng được ưu tiên hơn những mục đích mà cộng đồng hoặc các mục đích khác được các thành viên công nhận. Theo nghĩa này, công lý là đức tính đầu tiên của chế độ xã hội, dù xét từ góc độ đạo đức hay nhận thức luận (Sandel, M., 1982: 20). Nhưng về cơ bản mà nói, công lý mà J. Rawls nhấn mạnh chỉ là “công lý của cá nhân”, không chỉ vô ích đối với việc thực hiện phúc lợi công cộng, mà còn có thể mang đến những nguy hại nhất định.

Sandel và các nhà cộng đồng chủ nghĩa đã bác bỏ lập luận “công lý là hành vi đạo đức thứ nhất” một cách có hệ thống. *Thứ nhất*, trên cơ sở đánh giá lý thuyết của J. Rawls về chủ thể đạo đức, Sandel đã phủ nhận lý thuyết về quyền ưu tiên công lý của Rawls. Lý thuyết của J. Rawls về chủ thể đạo đức có hai đặc điểm cơ bản, *một là* sự khác biệt, và *hai là* sự thống nhất. Hai đặc điểm cơ bản này vừa mang tính tự mãn, vừa độc lập với nhau. Đồng thời, J. Rawls nhấn mạnh một số khác biệt hợp lý trong các nguyên tắc công lý. Theo quan điểm của J. Rawls, lý thuyết điều tốt là sự bổ sung cho lý luận về công lý, nó như là một điều kiện tiên quyết cấu thành công lý, giống như một xu hướng thể hiện sự ổn định của công lý và tạo ra sức mạnh để hỗ trợ bản thân. Do đó, khái niệm chiếm hữu được ẩn chứa trong nguyên tắc khác biệt, nó đòi hỏi một lý thuyết cộng đồng nhất định và một lý thuyết về chủ thể hành động. Những lý thuyết này là nền tảng của công lý, nó không chỉ được coi là lý thuyết ngoại vi của công lý mà còn là nền tảng của công lý. Vì vậy, chúng ta có thể khẳng định rằng quan điểm của J. Rawls đã thất bại trên cả hai phương diện. Nếu đúng như J. Rawls từng nói, “chủ thể đạo đức có thể tiêu biến thành một chủ thể hoàn toàn trống rỗng, hoặc trở thành một chủ thể mang tính tình huống, một khái niệm giá trị đạo đức, giống như khái niệm điều tốt, và “phụ thuộc vào khái niệm quyền và công lý, thì nó không có tác dụng trong định nghĩa thực chất về phân phối” (Rawls, J., 1993: 71-72). Con người không thể có những giá trị nội tại nhất định, cũng như không có những lợi thế nội tại và sự xứng đáng, có nghĩa là, họ không có quyền ưu tiên hoặc độc lập với những giá trị, lợi thế và sự xứng đáng vì điều đó được ban cho bởi một chế độ xã hội. Như chúng ta đã thấy, nói một cách nghiêm túc thì không ai có thể nói rằng anh ta xứng đáng với một thứ gì đó hoặc có thể có một thứ gì đó, ít nhất là trong ý nghĩa của sự sở hữu mang tính phi khoảng cách và cấu thành của sự chiếm hữu, đây là nền tảng cần thiết cho những gì được coi là xứng đáng. Theo lý thuyết chủ thể của J. Rawls, không có người hoặc chủng tộc nào có giá trị nội tại cao hơn hoặc xứng đáng hơn những người khác hoặc chủng tộc khác. Điều này không phải vì mọi người đều có giá trị nội tại ngang nhau và xứng đáng với có “quyền” ngang nhau, mà bởi vì không ai có giá trị nội tại hoặc xứng đáng với một thứ gì đó, nên mọi yêu cầu đều phải chờ một chế độ xã hội công bằng sắp xếp (Sandel, M., 1982: 164-168). Theo một nghĩa nào đó, một chủ thể đạo đức như vậy là một chủ thể bất tài.

Thứ hai, dựa vào thực tiễn “chương trình hành động khẳng định” (Affirmative Action Program) của Hoa Kỳ từ những năm 1961 đến 2012 để chứng minh rằng thiết kế của J. Rawls

đã không mang lại hiệu quả như mong muốn. Theo lý thuyết chủ thể đạo đức của J. Rawls, “chương trình hành động khẳng định” đã vi phạm nguyên tắc về quyền cá nhân, mặc dù kế hoạch đó sẽ mang lại lợi ích cho xã hội, nhưng không thể nói là hợp lý. Điều này phù hợp với quan niệm của J. Rawls rằng “từ quan điểm đạo đức, lợi ích của sự may mắn không mang tính điều kiện”. Có nghĩa là, chúng ta có thể kết luận theo cách này: Nếu chúng ta không thể nói rằng một số người về bản chất có giá trị hơn những người khác, hoặc ít nhất, theo mục đích xã hội trước mắt, một số người có giá trị hơn những người khác, vì vậy sự phân biệt đối xử dựa trên điều này là chính đáng và hợp lý. Miễn là chính sách ưu đãi có lợi cho người dân vì một mục đích giá trị nào đó, thay vì đánh giá công lao và giá trị của bản thân thì vẫn có thể chấp nhận được. Chỉ cần động cơ loại trừ dựa trên chủng tộc không phải từ thành kiến, mà là từ “suy tính thủ đoạn”, từ “tính toán hợp lý để sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực có hạn trong xã hội”, hoặc từ “làn da đen có thể được coi là một đặc điểm xã hội hữu ích”, do đó ý tưởng từ chối này phù hợp với các cân nhắc thực dụng, và nó là chính đáng và hợp lý.

Về cơ bản, lập luận ưu tiên công lý của J. Rawls sẽ gặp khó khăn trong ba khía cạnh sau: *Trước hết*, không có thứ trừu tượng nào gọi là “toàn thể xã hội hay xã hội nói chung”, và không có cộng đồng quyền lực “tối thượng” nào có thể được thành lập mà không cần tranh luận hoặc được mô tả. Mỗi chúng ta sống trong nhiều cộng đồng, trong đó có một số cộng đồng mà chúng ta có thể hòa nhập tốt hơn những cộng đồng khác. Mỗi cộng đồng có những yêu cầu khác nhau đối với các thành viên của mình. Không thể nói trước rằng mục đích xã hội hoặc cộng đồng sẽ chi phối đức tính được cấu thành bởi các thuộc tính cá nhân hoặc những thiên phú đặc biệt của chúng ta. *Thứ hai*, nếu không có “toàn thể xã hội” trừu tượng, thì bất kỳ xã hội đặc biệt nào được thừa nhận một cách tùy tiện dường như không thể có quyền nhiều hơn quyền cá nhân. Ngược lại, nó mang tính áp đặt các yêu cầu đối với một số lợi ích đặc biệt mà cá nhân đó thỉnh thoảng có được. Theo quan điểm đạo đức của J. Rawls thì những thiên phú này tồn tại trong những cộng đồng nhất định mà lại được xác nhận một cách tùy tiện như vậy, thì nó cũng trở nên tùy tiện. Đặc biệt, chúng ta không có lý do rõ ràng để lý giải tại sao “lợi ích xã hội mang tính phổ biến” phải cao hơn lợi ích cá nhân hoặc đặc biệt hơn trong mọi trường hợp chỉ vì chúng mang tính phổ biến. *Cuối cùng*, trừ khi mọi người có thể xác định các cộng đồng có liên quan chia sẻ của cải của “tôi”, và thiết lập mức độ tin cậy cho cộng đồng này, nếu không thì lập luận của Dworkin sẽ đi đến công nhận hành động và khái niệm tài sản công cộng của J. Rawls hoặc là Kant, J. Rawls phản đối sự mâu thuẫn các luật quan trọng trong việc sử dụng một số người như một phương tiện để đạt được mục đích của những người khác, hoặc thoát khỏi mâu thuẫn này bằng cách nói lòng hoàn toàn ranh giới giữa bản thân và người khác và trở thành một chủ thể hoàn toàn mang tính tình huống (Sandel, M. 1982: 178-180).

4. Kết luận

Chủ nghĩa cộng đồng tin rằng mối quan hệ cá nhân - cộng đồng được chỉ ra trong tình trạng ban đầu bởi J. Rawls và giả định về bức màn vô minh đã bộc lộ những khiếm khuyết cơ bản. Khiếm khuyết này chủ yếu được biểu hiện ở các khía cạnh sau: (1) Con người trừu tượng, không có bất kỳ khái niệm thiên ác, không có bất kỳ khái niệm giá trị nào, giả định về bản chất con người như vậy tất yếu sẽ dẫn đến lý thuyết cho rằng cá nhân có trước đạo đức. (2) Trong mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, J. Rawls bỏ qua ảnh hưởng của xã hội đối với giá trị cá nhân, vốn là một chủ nghĩa cá nhân cực đoan điển hình, khiến cá nhân

đặt lên trên xã hội. (3) Về cơ bản là: Khái niệm cá nhân - cộng đồng của J. Rawls nhấn mạnh rằng cá nhân là ưu việt hơn cộng đồng, điều này không phù hợp với sự phát triển lịch sử và thậm chí không phù hợp hơn với yêu cầu của xã hội hiện đại. Chủ nghĩa cộng đồng đặt ra yêu cầu công lý cần phải dựa trên nền tảng của đức hạnh. Công lý trước hết là một loại đức tính cá nhân, cá nhân sống trong một truyền thống lịch sử nhất định dựa trên tính cộng đồng, và đây là yếu tố tiên quyết và mang tính cấu thành. Do đó, đạo đức, quyền và lợi ích của cá nhân bị hạn chế và được quy định bởi truyền thống của cộng đồng cũng như lợi ích công cộng. Nói cách khác, công lý về cơ bản là công ích hoặc điều tốt cộng đồng, điều tốt cộng đồng phải được tôn trọng, đồng nghĩa với việc quyền cá nhân phải bị hạn chế. Đặc biệt trong bối cảnh đương đại hiện nay, lý luận của Chủ nghĩa cộng đồng giúp phân biệt được những ưu điểm - nhược điểm trong các cộng đồng xã hội, bản sắc văn hoá của từng dân tộc để ngăn chặn các trào lưu cổ xuý tự do tiêu cực hoặc chủ nghĩa dân túy làm biến đổi xã hội theo chiều hướng tiêu cực.

Tài liệu tham khảo

- Arblaster, A. (1986). *The Rise and Decline of Western Liberalism*. Publisher: Blackwell Pub.
- EthxWeb. (1991). *The Responsive Communitarian Platform: Right and Responsibilities*. Responsive Community, Winter 2(1): 4-20.
- Etzion, A. (1998). *The Essential Communitarian Reader*. Rowman & Littlefield Publishers.
- Frohnen, B. (1996). *The New Communitarians and the Crisis of Modern Liberalism*. University Press of Kansas.
- Gutman, A. (2003). *The Communitarian Critique of Liberalism*. Philosophy and Public Affairs, Published By: Wiley. Vol. 14, No. 3.
- Giddens, A. (2000). *The Third Way and Its Critics*. Cambridge: Polity.
- Harris, P and Morrow, J. (1986). *Lectures on the Principles of Political Obligation and Other Writings*. Cambridge University Press.
- Kymlicka, W and Norman, W. (1994). *Return of the Citizen: A Survey of Recent Work on Citizenship Theory*. University of Chicago Press. Vol. 104, No. 02.
- Kymlicka, W. (1998). *Liberalism, Community, and Culture*. Oxford University Press.
- MacIntyre, A. (1981). *After virtue*. University of Notre Dame Press.
- MacIntyre, A. (1988). *Whose Justice? Which Rationality?*. University of Notre Dame Press.
- Phillips, R. (1991). *Communitarianism, the Vatican, and the New Global Order*. In Ethics and International Affairs, Vol 5.
- Rawls, J. (1971). *A Theory of Justice*. Oxford University Press.
- Rawls, J. (1993). *Political Liberalism*. Columbia University Press.
- Sandel, M. (1982). *Liberalism and the Limits of Justice*. Cambridge University Press
- Taylor, C. (1979). *Hegel and Modern Society*. Cambridge University Press.
- Taylor, C. (1989). *Sources of the Self: The Making of Modern Identity*. Harvard University Press.
- Taylor, C. (1991). *The Ethics of Authenticity*. Harvard University Press.
- Nguyễn Hùng Vương, Ngô Khắc Sơn. (2021). Chủ nghĩa cộng đồng hay chủ nghĩa cộng hòa dân sự - phân tích, đánh giá lập trường triết học của M. Sandel. Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*. Số 11.
- Walzer, M. (1983). *"Spheres of Justice"*. Basic Books.